TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST
Ngày: 04-3-2021
V/v "tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Rỏn.
2. Bà Nguyễn Thị Rê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Huệ.

Trong các ngày 26 tháng 02 và 04 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L - Sinh năm 1972 - Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Văn T - Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đông An T - T1ộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị X - sinh năm 1980 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T1 - Sinh năm 1969 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/10/2020, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày và yêu cầu:

Bà làm thảo hụi, bà Nguyễn Thị X có tham gia chơi hụi, gồm các dây hụi sau:

Thứ nhất, hụi mở ngày 15/01/2016 (âm lịch): Loại hụi tháng, 1.000.000 đồng/tháng, gồm 24 phần, bà X tham gia 01 phần. Bà X đóng được 10 kỳ với số tiền 6.950.000 đồng, đến kỳ thứ 11 (ngày 15/11/2016 âm lịch) bà X hốt hụi (khui hụi với số tiền là 200.000 đồng) được 19.900.000 đồng.

Bà X đã đóng hụi chết từ ngày 15/12/2016 âm lịch - 15/3/2017 âm lịch là 4 kỳ, thành tiền: 4.000.000 đồng.

Từ ngày 15/4/2017 âm lịch, bà X không đóng hụi chết, còn 09 kỳ thành tiền là: 9.000.000 đồng.

Số tiền bà X đã giao cho bà: 6.950.000 đồng (hụi sống) + 4.000.000 đồng (đóng hụi chết) = 10.950.000 đồng.

Số tiền bà đã giao cho bà X: 19.900.000 đồng.

Như vậy, số tiền bà X thực nhận của bà sau khi trừ số tiền bà X giao cho bà: 19.900.000 đồng – 10.950.000 đồng = 9.050.000 đồng.

Lãi tham gia chơi hụi: 9.050.000 đồng x 20%/năm x 9 tháng (9 kỳ hụi chết) = 1.357.500 đồng. Vì vậy, bà X phải đóng hụi chết mỗi tháng (kỳ) với số tiền là: (9.050.000 đồng + 1.357.500 đồng) : 9 kỳ = 1.156.388 đồng. Tổng số tiền của 9 kỳ hụi chết mà bà X phải đóng là: 10.407.500 đồng, hạn chót (ngày mãn dây hụi) là ngày 15/12/2017 âm lịch.

Do bà X không đóng hụi chết mà bà phải đóng thay. Vì vậy, bà X phải chịu lãi chậm trả từ ngày 15/12/2017 âm lịch đến ngày 15/5/2020 âm lịch là 28 tháng: 10.407.500 đồng x 0,83%/tháng x 28 tháng = 2.418.703 đồng.

Thứ hai, hụi mở ngày 15/01/2017 (âm lịch): Loại hụi tháng, 2.000.000 đồng/tháng, gồm 28 phần, bà X tham gia 01 phần. Bà X đóng được 10 kỳ, với số tiền 14.360.000 đồng, đến kỳ thứ 11 (ngày 15/11/2017 âm lịch) bà X hốt hụi được 46.200.000 đồng (khui hụi với số tiền 400.000 đồng).

Bà X đóng hụi chết từ ngày 15/12/2017 âm lịch đến ngày 15/02/2018 âm lịch là 3 kỳ, thành tiền: 6.000.000 đồng.

Bà X không đóng hụi chết từ ngày 15/3/2018 âm lịch, còn 14 kỳ thành tiền: 28.000.000 đồng.

Số tiền bà X đã giao cho bà: 14.360.000 đồng (hụi sống) + 6.000.000 đồng (hụi chết) = 20.360.000 đồng.

Số tiền bà giao cho bà X: 46.200.000 đồng.

Số tiền bà X thực nhận của bà sau khi trừ số tiền bà X giao cho bà: 46.200.000 đồng – 20.360.000 đồng = 25.840.000 đồng.

Lãi tham gia chơi hụi: 25.840.000 đồng x 20%/năm x 14 tháng (14 kỳ hụi chết) = 6.029.333 đồng. Vì vậy, bà X phải đóng hụi chết mỗi tháng (kỳ) với số tiền: (25.840.000 đồng + 6.029.333 đồng) : 14 kỳ = 2.276.380 đồng. Tổng số tiền của 14 kỳ hụi chết bà X phải đóng: 31.869.320 đồng, hạn chót (ngày mãn dây hụi) là ngày 15/4/2019 âm lịch.

Do bà X không đóng hụi chết mà bà phải đóng thay. Vì vậy, bà X phải chịu lãi chậm trả từ ngày 15/4/2019 âm lịch đến ngày 15/5/2020 âm lịch là 13 tháng: 31.869.320 đồng x 0,83%/tháng x 13 tháng = 3.438.699 đồng.

Thứ ba, hụi mở ngày 15/3/2017 (âm lịch): Loại hụi tháng, 2.000.000 đồng/tháng, gồm 27 phần, bà X tham gia 01 phần. Bà X đóng được 10 kỳ với số tiền 14.420.000 đồng, đến kỳ thứ 11 (ngày 15/01/2018 âm lịch) bà X hốt hụi được 44.600.000đồng (khui hụi với số tiền 400.000 đồng).

Bà X tiếp tục đóng hụi chết từ ngày 15/02/2018 âm lịch đến ngày 15/6/2018 âm lịch là 5 kỳ, thành tiền: 10.000.000 đồng.

Bà X không đóng hụi chết từ ngày 15/07/2018 âm lịch, còn 11 kỳ thành tiền: 22.000.000 đồng.

Số tiền mà bà X đã giao cho bà: 14.420.000 đồng (hụi sống) + 10.000.000 đồng (hụi chết) = 24.420.000 đồng.

Số tiền mà bà giao cho bà X: 44.600.000 đồng.

Số tiền mà bà X thực nhận của bà sau khi trừ số tiền bà X giao cho bà: 44.600.000 đồng – 24.420.000 đồng = 20.180.000 đồng.

Lãi tham gia chơi hụi: 20.180.000 đồng x 20%/năm x 11 tháng (11 kỳ hụi chết) = 3.699.666 đồng. Vì vậy, bà X phải đóng hụi chết mỗi tháng (kỳ) với số tiền: (20.180.000 đồng + 3.699.666 đồng) : 11 kỳ = 2.170.878 đồng. Tổng số tiền của 11 kỳ hụi chết bà X phải đóng: 23.879.666 đồng, hạn chót (ngày mãn dây hụi) là ngày 15/6/2019 âm lịch.

Do bà X không đóng hụi chết mà bà phải đóng thay. Vì vậy, bà phải chịu lãi chậm trả từ ngày 15/6/2019 âm lịch đến ngày 15/5/2020 âm lịch là 11 tháng: 23.879.666 đồng x 0,83%/tháng x 11 tháng = 2.180.213 đồng.

Thứ tư, hụi mở ngày 20/3/2017 (âm lịch): Loại hụi tháng, 2.000.000 đồng/tháng, gồm 27 phần, bà X tham gia 02 phần.

Phần thứ 1: Bà X đóng được 02 kỳ với số tiền 3.000.000 đồng, đến kỳ thứ 3 (ngày 20/5/2017) bà X hốt hụi được 39.000.000 đồng (khui hụi với số tiền 500.000 đồng).

Bà X đóng hụi chết từ ngày 20/6/2017 âm lịch đến ngày 20/3/2018 âm lịch là 10 kỳ, thành tiền: 20.000.000 đồng.

Bà X không đóng hụi chết từ ngày 20/4/2018 âm lịch, là 14 kỳ, thành tiền: 28.000.000 đồng.

Số tiền mà bà X đã giao cho bà: 20.000.000 đồng (hụi chết) + 3.000.000 đồng (hụi sống) = 23.000.000 đồng.

Số tiền mà bà đã giao cho bà X: 39.000.000 đồng.

Số tiền bà X thực nhận của bà sau khi trừ số tiền bà X giao cho bà: 39.000.000 đồng - 23.000.000 đồng = 16.000.000 đồng.

Lãi tham gia chơi hụi: 16.000.000 đồng x 20%/năm x 14 tháng (14 kỳ hụi chết) = 3.733.333 đồng. Vì vậy, bà X phải đóng hụi chết mỗi tháng (kỳ) với số tiền: (16.000.000 đồng + 3.733.333 đồng) : 14 kỳ = 1.409.523 đồng. Tổng số tiền của 14 kỳ hụi chết mà bà X phải đóng: 21.142.856 đồng của một phần, hạn chót (ngày mãn dây hụi) là ngày 20/6/2019 âm lịch.

Do bà X không đóng hụi chết mà bà phải đóng thay. Vì vậy, bà X phải chịu lãi chậm trả từ ngày 20/62019 âm lịch đến ngày 15/5/2020 âm lịch là 12 tháng: 21.142.856 đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng = 2.105.828 đồng.

Phần thứ hai: Bà X đóng được 03 kỳ với số tiền 4.500.000 đồng, đến kỳ thứ 4 (ngày 20/6/2017) bà X hốt hụi được 39.500.000 đồng (khui hụi với số tiền 500.000 đồng).

Bà X đóng hụi chết từ ngày 20/7/2017 âm lịch đến ngày 20/3/2018 âm lịch là 9 kỳ, thành tiền: 18.000.000 đồng.

Bà X không đóng hụi chết từ ngày 20/4/2018 âm lịch, là 14 kỳ, thành tiền: 28.000.000 đồng.

Số tiền mà bà X đã giao cho bà: 18.000.000 đồng (hụi chết) + 4.500.000 đồng (hụi sống) = 22.500.000 đồng.

Số tiền mà bà đã giao cho bà X: 39.500.000 đồng.

Số tiền bà X thực nhận của bà sau khi trừ số tiền bà X giao cho bà: 39.500.000 đồng - 22.500.000 đồng = 17.000.000 đồng.

Lãi tham gia chơi hụi: 17.000.000 đồng x 20%/năm x 14 tháng (14 kỳ hụi chết) = 3.966.666 đồng. Vì vậy, bà X phải đóng hụi chết mỗi tháng (kỳ) với số tiền: (17.000.000 đồng + 3.966.666 đồng) : 14 kỳ = 1.497.619 đồng. Tổng số tiền của 14

kỳ hụi chết mà bà X phải đóng: 22.464.285 đồng của một phần, hạn chót (ngày mãn dây hụi) là ngày 20/6/2019 âm lịch.

Do bà X không đóng hụi chết mà bà phải đóng thay. Vì vậy, bà X phải chịu lãi chậm trả từ ngày 20/62019 âm lịch đến ngày 15/5/2020 âm lịch là 12 tháng: 22.464.285đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng = 2.237.442 đồng.

Thứ năm, hụi mở ngày 28/4/2017 (âm lịch): Loại hụi tháng, 2.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, bà X tham gia 01 phần. Bà X đóng được 02 kỳ với số tiền 3.000.000 đồng, đến kỳ thứ 3 (ngày 28/6/2017 âm lịch) bà X hốt hụi (khui hụi với số tiền là 550.000 đồng) được 34.900.000 đồng.

Bà X đã đóng hụi chết từ ngày 28/7/2017 âm lịch đến ngày 28/3/2018 âm lịch là 9 kỳ, thành tiền: 18.000.000 đồng.

Từ ngày 28/4/2018 âm lịch, bà X không đóng hụi chết, còn 13 kỳ thành tiền là: 26.000.000 đồng.

Số tiền bà X đã giao cho bà: 18.000.000 đồng (hụi chết) + 3.000.000 đồng (hụi sống) = 21.000.000 đồng.

Số tiền bà đã giao cho bà X: 34.900.000 đồng.

Như vậy, số tiền bà X thực nhận của bà sau khi trừ số tiền bà giao cho bà: 34.900.000 đồng – 21.000.000 đồng = 13.900.000 đồng.

Lãi tham gia chơi hụi: 13.900.000 đồng x 20%/năm x 13 tháng (13 kỳ hụi chết) = 3.011.666 đồng. Vì vậy, bà X phải đóng hụi chết mỗi tháng (kỳ) với số tiền là: (13.900.000 đồng + 3.011.666 đồng) : 13 kỳ = 1.300.897 đồng. Tổng số tiền của 13 kỳ hụi chết mà bà X phải đóng là: 16.911.661 đồng, hạn chót (ngày mãn dây hụi) là ngày 28/5/2019 âm lịch.

Do bà X không đóng hụi chết mà bà phải đóng thay. Vì vậy, bà phải chịu lãi chậm trả từ ngày 28/5/2019 âm lịch đến ngày 15/5/2020 âm lịch là 12 tháng: 16.911.661 đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng = 1.684.401 đồng.

Đồng thời, bà X còn nợ bà số tiền chưa đóng hụi của 05 dây hụi nói trên (số tiền tổng kết trước ngày bà X ngưng đóng hụi chết hẳn luôn được thể hiện ở phần trên): 43.000.000 đồng - 20.000.000 đồng = 23.000.000 đồng.

Tính lãi chậm trả: 23.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng (tính từ ngày 28/5/2019 âm lịch đến ngày 15/5/2020 âm lịch) = 2.290.800 đồng.

Tổng cộng bà X nợ bà: 124.970.000 đồng (tiền tham gia chơi hụi phải đóng hụi chết) + 21.798.164 đồng (lãi tham gia chơi hụi) + 16.356.086 đồng (lãi chậm thanh toán tiền tham gia chơi hụi) = 163.124.250 đồng.

Ngoài ra, bà X còn tham gia 02 dây hụi sống.

Dây thứ nhất: loại hụi tháng, 3.000.000 đồng/tháng, gồm 24 phần, bà X hốt được số tiền 72.000.000 đồng, trừ tiền thảo hụi 1.500.000 đồng, số tiền còn lại 70.500.000 đồng.

Dây thứ hai: loại hụi tháng, 500.000 đồng/tháng, gồm 24 phần, bà X hốt được số tiền 11.500.000 đồng, trừ tiền thảo hụi 250.000 đồng, còn lại 11.250.000 đồng.

Tổng cộng: 81.750.000 đồng.

Sau khi trừ số tiền bà X nợ bà và số tiền bà nợ bà X, thì bà X còn nợ bà 81.374.250 đồng (163.124.250 đồng - 81.750.000 đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án bà T1 thừa nhận có nhờ bà X tham gia chơi hụi do bà làm thảo hụi. Bà X có nhận tiền hốt hụi do bà giao của các dây hụi nêu trên. Vì vậy, bà yêu cầu bà X và bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà 81.374.250 đồng.

- Theo đơn khởi kiện (phản tố) ngày 26/5/2020, các văn bản tiếp theo bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày và yêu cầu:

Bà không thống nhất toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của bà L. Do bà L đến giao hụi không có bà T1 ở nhà nên bà L yêu cầu bà nhận dùm tiền bà T1 hốt hụi, nên bà ký nhận dùm, nhưng bà không nhớ ký bao nhiêu biên nhận. Ngoài ra, bà không có đi đăng ký tham gia hụi dùm bà T1, không có lần nào đi đóng tiền hụi dùm bà T1. Hiện tại, bà L đang nợ bà 81.750.000 đồng tiền hai dây hụi đã mãn. Lý do bà L cấn trừ tiền của bà vào nợ của bà T1. Bà yêu cầu bà L trả lại cho bà 81.750.000 đồng, gồm 2 dây hụi:

- Hụi mở ngày 10/6/2017 đến ngày 10/6/2019 số tiền 11.250.000 đồng

- Hụi mở ngày 18/7/2017 đến ngày 18/8/2019 số tiền 70.500.000 đồng.

- Tại bản tự khai ngày 18/6/2020, các văn bản tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà có nhờ bà X tham gia chơi hụi do bà L làm thảo hụi. Số tiền bà L yêu cầu bà X trả thực tế là nợ của bà. Bà đồng ý trả cho bà L số tiền 101.500.000 đồng. Trước đây bà đã trả cho bà L 41.000.000 đồng. Trong vụ án này bà không có yêu cầu độc lập.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Nguyễn Văn T đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L. Vì, bà L làm thảo hụi, bà X là hụi viên. Qua biên bản hòa giải ngày 18/6/2020 bà X thừa nhận có nhận tiền hụi từ bà L. Như vậy, bà X và bà L xác lập qua hệ góp hụi. Lời trình bày của những người làm chứng các bà Ca Thị Bé Tám, Hà Thị Duyên, Bùi Thị Mơ, Nguyễn Thị Thanh Hiệp, Khoa Thị Oanh, đều xác định bà X có tham gia chơi hụi. Tại biên bản hòa giải ngày 18/6/2020 của Tòa án bà T1 thừa nhận có nhờ bà X tham gia chơi hụi từ bà L và tại biên bản hòa giải tại xã Mỹ Qúy Tây bà T1 cũng thừa nhận có nợ bà L 142.500.000 đồng. Như vậy, bà X và bà T1 có mối

liên hệ với nhau về việc chơi hụi nên có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà L số tiền 81.374.250 đồng theo quy định tại các Điều 274, 275, 276 và 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị L khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" đối với bà Nguyễn Thị X Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T1 đã nhận được các thủ tục tố tụng của Tòa án, đã tham gia hòa giải nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Bà X, bà T1 không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Các bà không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ, tham gia phiên tòa vì đã không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật.

[3] Bà X là bị đơn có yêu cầu khởi kiện phản tố. Tuy nhiên, bà X được triệu tập hợp lệ hai lần mà vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ không xem xét yêu cầu khởi kiện (phản tố) của bà X theo quy định pháp luật.

[4] Bà L có làm đơn yêu cầu trưng cầu giám định âm thanh là giọng nói của bà X. Tòa án đã tiến hành thủ tục T1 thập giọng nói của bà X để làm mẫu so sánh giám định. Tuy nhiên, bà X vắng mặt nên không thể tiến hành thu thập giọng nói của bà X. Bà L cũng có đơn không yêu cầu giám định, việc này là tự nguyện nên ghi nhận. Tại biên bản hòa giải ngày 18/6/2020 bà X cho rằng không nhớ ký bao nhiêu biên nhận hốt hụi với bà L, nhưng bà X không làm thủ tục giám định chữ ký nên không có căn cứ xem xét.

[5] Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và trình bày không thỏa T được với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về toàn bộ nội dung vụ án.

[6] Xét việc bà L yêu cầu bà X và bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền hụi 124.970.000 đồng đồng và 38.154.250 đồng tiền lãi (bao gồm: lãi tham gia chơi hụi và lãi chậm thanh toán tiền tham gia chơi hụi), Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[6.1] Về tiền hụi: bà L yêu cầu bà X và bà T1 có nghĩa vụ trả tiền nợ hụi 124.970.000 đồng là có căn cứ chấp nhận toàn bộ. Bởi vì: tại biên bản hòa giải ngày 18/6/2020 của Tòa án bà X tuy không thừa nhận tham gia chơi hụi do bà L làm chủ thảo và không đăng ký hụi dùm bà T1, nhưng bà X thừa nhận khi bà L đến

giao hụi không có bà T1 ở nhà nên bà có ký biên nhận hốt hụi dùm bà T1. Chứng cứ bà L cung cấp thì bà X có ký hốt hụi ở 03 biên nhận. Tại biên bản hòa giải ngày 02/01/2020 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Qúy Tây bà T1 thừa nhận nợ bà L 142.500.000 đồng tiền hụi, tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 18/6/2020 bà T1 thừa nhận số tiền bà L đang khởi kiện yêu cầu bà X là nợ của bà, bà T1 đồng ý trả cho bà L 101.500.000 đồng. Vì trước đây bà đã trả cho bà L 41.000.000 đồng. Xét bà X không cung cấp chứng cứ chứng minh bà hốt hụi dùm bà T1, bà T1 thừa nhận nhờ bà X chơi hụi dùm và trình bày đã trả được cho bà L 41.000.000 đồng, nhưng bà L chỉ thừa nhận bà T1 trả 21.000.000 đồng. Vì vậy, không có căn cứ chứng minh bà T1 đã trả 41.000.000 đồng. Qua đó, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tham gia hòa giải bà X có thừa nhận bà có ký vào biên nhận hốt hụi và nhận tiền hụi dùm bà T1. Bà T1 thừa nhận có tham gia chơi hụi của bà X. Vì vậy, cần buộc bà T1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà X trả nợ cho bà L theo quy định tại các Điều 274, 275, 276 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6.2] Về tiền lãi hụi: Bà L và bà T1 cùng tham gia chơi hụi nhưng không đóng hụi theo thỏa T. Vì vậy, bà X và bà T1 phải chịu lãi 38.154.250 đồng theo yêu cầu của bà L là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6.3] Việc bà L thừa nhận có nợ bà X 81.750.000 đồng và yêu cầu khấu trừ vào số tiền mà bà X đang nợ bà. Xét thấy, bà X và bà L thống nhất số tiền bà L nợ hai dây hụi của bà X, nên đồng ý yêu cầu khấu trừ số tiền 81.750.000 đồng bà L còn nợ bà X vào số tiền bà X nợ bà L.

[7] Từ các nhận định trên, cần buộc bà X và bà T1 có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 81.374.250 đồng.

[8] Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 trong việc tính lãi chậm thi hành án.

[9] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[9.1] Bà L được cấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu tiền án phí, hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9.2] Bà X và bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L 81.374.250 đồng nên có nghĩa vụ chịu 4.068.712,5 đồng tiền án phí.

[9.3] Sung vào công quỹ Nhà nước tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp 2.043.750 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 274, 275, 276, 357, 468 và 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" đối với bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị T1.

Buộc bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền hụi 81.374.250 đồng (Tám mươi mốt triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện (phản tố) của bà Nguyễn Thị X về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" đối với bà Nguyễn Thị L về số tiền 81.750.000 đồng.

3. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ liên đới chịu 4.068.712,5 đồng (Bốn triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm mười hai phẩy năm đồng) tiền án phí.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu tiền án phí. Hoàn lại cho bà L tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.010.106 đồng (Ba triệu, không trăm mười nghìn, một trăm lẻ sáu đồng) (theo các biên lai T1 số 0004953, 0008819 ngày 11/02/2020, 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

Sung vào công quỹ Nhà nước tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị X đã nộp 2.043.750 đồng (Hai triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) (theo biên lai T1 số 0005068 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

4. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/3/2021). Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Gái